

DANH SÁCH TỔNG HỢP
NGHĨA TRANG LIỆT SĨ, CÁC CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHƯỚC GIANG
(Theo Công văn số /UBND ngày /9/2025 của UBND xã Phước Giang)

STT	Tên xã, phường mới	Tên xã, phường, thị trấn (cũ)	Tên NTLS (cũ)	Tên gọi NTLS dự kiến	Cơ quan, đơn vị quản lý	Tổng số mộ trong nghĩa trang	Tổng số mộ có hài cốt	Tổng số mộ đã di chuyển	Tổng số mộ vọng	Tổng số mộ chưa xác định	Mộ ngoài NTLS	Công trình ghi công
1	Xã Phước Giang	Hành Dũng	NTLS Hành Dũng	NTLS xã Phước Giang	UBND xã Phước Giang	356	100	6		256	8	
		Hành Nhân	NTLS Hành Nhân			38	34			4	21	
		Hành Minh	NTLS Hành Minh			230	78	28		124	-	
		Hành Dũng	Nhà bia tưởng niệm Trung đoàn 83	Nhà bia tưởng niệm Trung đoàn 83	UBND xã Phước Giang							
		CỘNG				624	212	34	-	384	29	-

DANH SÁCH MỘ LIỆT SĨ ĐANG AN TÁNG TRONG NGHĨA TRANG LIỆT SĨ XÃ PHƯỚC GIANG

(Kèm theo Công văn /UBND ngày / 9/2025 của UBND xã Phước Giang)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị	Ngày, tháng năm hy	Mộ số	Hàng số	Lô số	Khu	Ghi chú
1	Võ Mỹ	1920	An Tân,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Bí thư nông hội	Nghĩa Hành	1967	1	1	A1	Nam A1	
2	Nguyễn Thị Đào		An Hòa ,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Ban kinh tài huyện	Nghĩa Hành	10/1969	2	1	A1	Nam A1	
3	Trần Bình		An Sơn,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi				3	1	A1	Nam A1	
4	Phạm Tây	1960	Kim Thanh,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đại đội phó		02/04/1983	4	1	A1	Nam A1	
5	Nguyễn Văn Kỹ	1953	An Phước,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		23/5/1970	5	1	A1	Nam A1	
6	Phan Trung	1960	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		25/7/1981	6	1	A1	Nam A1	
7	Phạm Lưu	1903	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Cán bộ cơ sở		05/1969	7	1	A1	Nam A1	
8	Trần Lữ	1916	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Cán bộ cơ sở		11/01/1965	8	1	A1	Nam A1	
9	Lê Văn Tín	1966	Kim Thanh,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		11/3/1985	9	1	A1	Nam A1	
10	Nguyễn Thị Cúc	1946	Trung Mỹ,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		1971	10	1	A1	Nam A1	

11	Nguyễn Thanh Bình	1930	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đại úy		8/1970	1	2	A1	Nam A1	
12	Phạm Thủy	1930	Kim Thành,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trưởng ban KT xã		14/12/1967	2	2	A1	Nam A1	
13	Thị Hay	1948	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Du kích		1969	3	2	A1	Nam A1	
14	Huỳnh Lương		An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Du kích		1965	4	2	A1	Nam A1	
15	Lê Văn Ty	1941	Đức Minh, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	Tiểu đoàn 1- Trung đoàn 1	06/3/1967	5	2	A1	Nam A1	Đã đính chính thông tin
16	Huỳnh Văn Đăng	1970	An Định,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		24/4/1989	6	2	A1	Nam A1	
17	Võ Hà	1948	Mộ Đức, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		4/1966	7	2	A1	Nam A1	
18	Nguyễn Văn Xuân	1940	Hành Thịnh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi				8	2	A1	Nam A1	
19	Nguyễn Nên	1941	Hành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ		9/02/1964	9	2	A1	Nam A1	
20	Lê Sỹ	1948	Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Binh nhất		3/4/1965	10	2	A1	Nam A1	
21	Đinh Tấn Phú	1948	Hành Thịnh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tham mưu		27/7/1972	1	3	A1	Nam A1	
22	Lê Toán		Hành Thịnh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Binh nhất		27/7/1972	2	3	A1	Nam A1	
23	Lê Tấn Mau	1946	Hành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Binh nhất		05/8/1963	3	3	A1	Nam A1	

24	Nguyễn Ba		Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Hạ sỹ		05/4/1965	4	3	A1	Nam A1	
25	Trần Thử	1948	Hành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sỹ		06/9/1969	5	3	A1	Nam A1	
26	Chưa xác định						6	3	A1	Nam A1	
27	Chưa xác định						7	3	A1	Nam A1	
28	Huỳnh Văn	1947	Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi			04/3/1967	8	3	A1	Nam A1	
29	Đỗ Quang Tuấn	1950	Trung Mỹ,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Bộ đội		1974	9	3	A1	Nam A1	
30	Phạm Văn Một	1947	Hành Thịnh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi				10	3	A1	Nam A1	
31	Nguyễn Tiết	1943	Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi			9/1966	1	4	A1	Nam A1	
32	Lê Anh Ken		Mộ Đức, Quảng Ngãi			30/4/1975	2	4	A1	Nam A1	
33	Lưu Xuân Tiên						3	4	A1	Nam A1	
34	Phạm Hữu						4	4	A1	Nam A1	
35	Hoàng Văn Long						5	4	A1	Nam A1	
36	Nguyễn Giang Nhân						6	4	A1	Nam A1	
37	Đinh Văn Phiên						7	4	A1	Nam A1	
38	Lê Dự					8/1974	8	4	A1	Nam A1	
39	Chưa xác định						9	4	A1	Nam A1	
40	Chưa xác định						10	4	A1	Nam A1	
41	Chưa xác định						1	5	A1	Nam A1	
42	Chưa xác định						2	5	A1	Nam A1	

43	Chưa xác định						3	5	A1	Nam A1	
44	Chưa xác định						4	5	A1	Nam A1	
45	Chưa xác định						5	5	A1	Nam A1	
46	Chưa xác định						6	5	A1	Nam A1	
47	Chưa xác định						7	5	A1	Nam A1	
48	Chưa xác định						8	5	A1	Nam A1	
49	Chưa xác định						9	5	A1	Nam A1	
50	Chưa xác định						10	5	A1	Nam A1	
51	Chưa xác định						1	6	A1	Nam A1	
52	Chưa xác định						2	6	A1	Nam A1	
53	Chưa xác định						3	6	A1	Nam A1	
54	Chưa xác định						4	6	A1	Nam A1	
55	Chưa xác định						5	6	A1	Nam A1	
56	Chưa xác định						6	6	A1	Nam A1	
57	Chưa xác định						7	6	A1	Nam A1	
58	Chưa xác định						8	6	A1	Nam A1	
59	Chưa xác định						9	6	A1	Nam A1	
60	Chưa xác định						10	6	A1	Nam A1	
61	Chưa xác định						1	1	A2	Nam A2	
62	Chưa xác định						2	1	A2	Nam A2	
63	Chưa xác định						3	1	A2	Nam A2	
64	Chưa xác định						4	1	A2	Nam A2	
65	Chưa xác định						5	1	A2	Nam A2	
66	Chưa xác định						6	1	A2	Nam A2	
67	Chưa xác định						7	1	A2	Nam A2	
68	Chưa xác định						8	1	A2	Nam A2	

69	Chưa xác định						9	1	A2	Nam A2	
70	Chưa xác định						10	1	A2	Nam A2	
71	Chưa xác định						1	2	A2	Nam A2	
72	Chưa xác định						2	2	A2	Nam A2	
73	Chưa xác định						3	2	A2	Nam A2	
74	Chưa xác định						4	2	A2	Nam A2	
75	Chưa xác định						5	2	A2	Nam A2	
76	Chưa xác định						6	2	A2	Nam A2	
77	Chưa xác định						7	2	A2	Nam A2	
78	Chưa xác định						8	2	A2	Nam A2	
79	Chưa xác định						9	2	A2	Nam A2	
80	Chưa xác định						10	2	A2	Nam A2	
81	Chưa xác định						1	3	A2	Nam A2	
82	Chưa xác định						2	3	A2	Nam A2	
83	Chưa xác định						3	3	A2	Nam A2	
84	Chưa xác định						4	3	A2	Nam A2	
85	Chưa xác định						5	3	A2	Nam A2	
86	Chưa xác định						6	3	A2	Nam A2	
87	Chưa xác định						7	3	A2	Nam A2	
88	Chưa xác định						8	3	A2	Nam A2	
89	Chưa xác định						9	3	A2	Nam A2	
90	Chưa xác định						10	3	A2	Nam A2	
91	Chưa xác định						1	4	A2	Nam A2	
92	Chưa xác định						2	4	A2	Nam A2	
93	Chưa xác định						3	4	A2	Nam A2	
94	Chưa xác định						4	4	A2	Nam A2	

95	Chưa xác định						5	4	A2	Nam A2	
96	Chưa xác định						6	4	A2	Nam A2	
97	Chưa xác định						7	4	A2	Nam A2	
98	Chưa xác định						8	4	A2	Nam A2	
99	Chưa xác định						9	4	A2	Nam A2	
100	Chưa xác định						10	4	A2	Nam A2	
101	Chưa xác định						1	5	A2	Nam A2	
102	Chưa xác định						2	5	A2	Nam A2	
103	Chưa xác định						3	5	A2	Nam A2	
104	Chưa xác định						4	5	A2	Nam A2	
105	Chưa xác định						5	5	A2	Nam A2	
106	Chưa xác định						6	5	A2	Nam A2	
107	Chưa xác định						7	5	A2	Nam A2	
108	Chưa xác định						8	5	A2	Nam A2	
109	Chưa xác định						9	5	A2	Nam A2	
110	Chưa xác định						10	5	A2	Nam A2	
111	Chưa xác định						1	6	A2	Nam A2	
112	Chưa xác định						2	6	A2	Nam A2	
113	Chưa xác định						3	6	A2	Nam A2	
114	Chưa xác định						4	6	A2	Nam A2	
115	Chưa xác định						5	6	A2	Nam A2	
116	Chưa xác định						6	6	A2	Nam A2	
117	Chưa xác định						7	6	A2	Nam A2	
118	Chưa xác định						8	6	A2	Nam A2	
119	Chưa xác định						9	6	A2	Nam A2	
120	Chưa xác định						10	6	A2	Nam A2	

121	Chưa xác định						1	1	A3	Nam A3	
122	Chưa xác định						2	1	A3	Nam A3	
123	Chưa xác định						3	1	A3	Nam A3	
124	Chưa xác định						4	1	A3	Nam A3	
125	Chưa xác định						5	1	A3	Nam A3	
126	Chưa xác định						6	1	A3	Nam A3	
127	Chưa xác định						7	1	A3	Nam A3	
128	Chưa xác định						8	1	A3	Nam A3	
129	Chưa xác định						9	1	A3	Nam A3	
130	Chưa xác định						10	1	A3	Nam A3	
131	Chưa xác định						11	1	A3	Nam A3	
132	Chưa xác định						12	1	A3	Nam A3	
133	Chưa xác định						13	1	A3	Nam A3	
134	Chưa xác định						14	1	A3	Nam A3	
135	Chưa xác định						1	2	A3	Nam A3	
136	Chưa xác định						2	2	A3	Nam A3	
137	Chưa xác định						3	2	A3	Nam A3	
138	Chưa xác định						5	2	A3	Nam A3	
139	Chưa xác định						6	2	A3	Nam A3	
140	Chưa xác định						7	2	A3	Nam A3	
141	Chưa xác định						8	2	A3	Nam A3	
142	Chưa xác định						9	2	A3	Nam A3	
143	Chưa xác định						10	2	A3	Nam A3	
144	Chưa xác định						11	2	A3	Nam A3	
145	Chưa xác định						12	2	A3	Nam A3	
146	Chưa xác định						13	2	A3	Nam A3	

147	Chưa xác định						14	2	A3	Nam A3	
148	Chưa xác định						1	3	A3	Nam A3	
149	Chưa xác định						2	3	A3	Nam A3	
150	Chưa xác định						3	3	A3	Nam A3	
151	Chưa xác định						4	3	A3	Nam A3	
152	Chưa xác định						5	3	A3	Nam A3	
153	Chưa xác định						6	3	A3	Nam A3	
154	Chưa xác định						7	3	A3	Nam A3	
155	Chưa xác định						8	3	A3	Nam A3	
156	Chưa xác định						9	3	A3	Nam A3	
157	Chưa xác định						10	3	A3	Nam A3	
158	Chưa xác định						11	3	A3	Nam A3	
159	Chưa xác định						12	3	A3	Nam A3	
160	Chưa xác định						13	3	A3	Nam A3	
161	Chưa xác định						14	3	A3	Nam A3	
162	Chưa xác định						1	4	A3	Nam A3	
163	Chưa xác định						2	4	A3	Nam A3	
164	Chưa xác định						3	4	A3	Nam A3	
165	Chưa xác định						4	4	A3	Nam A3	
166	Chưa xác định						5	4	A3	Nam A3	
167	Chưa xác định						6	4	A3	Nam A3	
168	Chưa xác định						7	4	A3	Nam A3	
169	Chưa xác định						8	4	A3	Nam A3	
170	Chưa xác định						9	4	A3	Nam A3	
171	Chưa xác định						10	4	A3	Nam A3	
172	Chưa xác định						14	4	A3	Nam A3	

173	Hoàng Văn Đổ	1935	Tăng Bảo, Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên		E401-F2- QK5	12/3/1968	4	2	A3	Nam A3	
174	Nguyễn Trọng Chi		Phú Lương, Đông Hưng, Thái Bình	Thượng sỹ		16/11/1972	11	4	A3	Nam A3	
175	Nguyễn Tấn Chín	1944	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chính trị viên ĐD		1980	12	4	A3	Nam A3	
176	Lê Văn Quy	1947	An Hoa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	Đại đội 4, tiểu đoàn 3	22/8/1970	13	4	A3	Nam A3	
177	Dương Văn Chén	1950	Tiên Phong, Hòa Hiệp, Hà Bắc	Binh nhất		25/3/1969	1	1	B1	Bắc B1	
178	Lê Đăng Tuyết	1948	Quyết Tiến, Phú Bình, Hà Bắc	Trung sỹ - A Phó		25/2/1969	2	1	B1	Bắc B1	
179	Nguyễn Văn Hải		Kim Mẫn, Hải Hưng, Hải Phòng	Chuẩn úy		04/9/1970	3	1	B1	Bắc B1	
180	Nguyễn Văn Hận	1943	Gia Khánh, Gia Định, Ninh Bình	Thượng sỹ		25/02/1965	4	1	B1	Bắc B1	
181	Nguyễn Văn Nhạc	1951	Phú Ninh, Thủy Ngân, Hải Phòng	Hạ sỹ		01/9/1970	5	1	B1	Bắc B1	
182	Hoàng Văn Hải	1950	Hải Long, Hải Hậu, Đông Hà	Binh nhất		03/9/1970	6	1	B1	Bắc B1	
183	Phạm Văn Toán	1950	Khánh Hồng, Yên Khánh, Ninh Bình	Chiến sỹ		23/3/1969	7	1	B1	Bắc B1	
184	Nguyễn Văn Thấp	1940	Tiên Lộc, Châu Lộc, Thanh Hóa	Chiến sỹ		26/6/1969	8	1	B1	Bắc B1	
185	Phạm Văn Tam	1946	Hải Hậu, Thanh Hóa	Binh nhất		16/3/1969	9	1	B1	Bắc B1	
186	Nguyễn Công Kiên	1949	Kinh Nghiệm, Hải Hưng	Trung sỹ - A trưởng		03/9/1970	10	1	B1	Bắc B1	
187	Đặng Xuân Nhu		Vạn Hà, Phú Thọ, Hà Tây	Thượng sỹ - B Phó		30/9/1970	1	2	B1	Bắc B1	
188	Nguyễn Văn Thịnh	1939	Cầu Kiền, Thạch Phát, Hà Tây	Hạ sỹ		30/9/1970	2	2	B1	Bắc B1	
189	Trần Công Bình	1932	Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình	Chiến sỹ		18/3/1969	3	2	B1	Bắc B1	
190	Nguyễn Xuân Tắc	1943	Xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Trung Sỹ- Tiểu đội Trưởng	Tiểu đoàn 3- KN	18/3/1969	4	2	B1	Bắc B1	

191	Nguyễn Ích Thiện	1945	Hung Đại, Hoàng An, Cao Bằng	Chiến sỹ		18/3/1969	5	2	B1	Bắc B1	
192	Phạm Văn Giao	1951	Hậu Lộc, Xuân Lộc, Thanh Hóa	Chiến sỹ		18/3/1969	6	2	B1	Bắc B1	
193	Trần Ngọc Khả	1947	Hậu Lộc, Xuân Lộc, Thanh Hóa	Chiến sỹ		18/3/1969	7	2	B1	Bắc B1	
194	Nguyễn Huy Sang	1942	Hòa Bình, Tân Yên, Hà Bắc	Chiến sỹ		18/3/1969	8	2	B1	Bắc B1	
195	Hoàng Trọng Ngân	1943	Hung Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Chiến sỹ		18/3/1969	9	2	B1	Bắc B1	
196	Ngô Huy Tuấn	1942	Trường Giang, Nông Cống, Thanh Hóa	Chiến sỹ		18/3/1969	10	2	B1	Bắc B1	
197	Đinh Văn Tiến	1951	Trần Phú, Khối 1, TX Hải Dương	Binh nhất		03/9/1970	1	3	B1	Bắc B1	
198	Nguyễn Văn Thèm	1944	Kiến Thiết, Tiên Lãm, Hải Phòng	Chuẩn úy		04/9/1970	2	3	B1	Bắc B1	
199	Đào Ngọc Lương	1950	Hồng Bàng, Hải Phòng	Hạ sĩ - A Phó		03/9/1970	3	3	B1	Bắc B1	
200	Quách Văn Nghị	1950	Thành Công, Thạch Thanh, Thanh Hóa	Hạ sĩ - A Phó		03/9/1970	4	3	B1	Bắc B1	
201	Cao Kim Điện	1956	Châu Phong, Tiên Hưng, Thái Bình	Trung úy Tham Mưu		03/9/1970	5	3	B1	Bắc B1	
202	Nguyễn Hữu Nhích	1943	An Lê, Thu Lức, Thái Bình	Thượng sỹ - B Trưởng		03/9/1970	6	3	B1	Bắc B1	
203	Lê Thanh Huân	1946	Dương Long, Quảng Duy, Thanh Hóa	Binh nhất		03/9/1970	7	3	B1	Bắc B1	
204	Nguyễn Công Tất	1943	Xuân Giang, Đa Phú, Vĩnh Phúc	Chiến sỹ		18/3/1969	8	3	B1	Bắc B1	
205	Phạm Văn Kim	1950	Thái Bình, Kim Môn, Thái Dương	Chiến sỹ		01/9/1970	9	3	B1	Bắc B1	
206	Bùi Văn Mạ	1950	Thanh Long, Kim Môn, Hải Dương	Binh nhất		03/9/1970	10	3	B1	Bắc B1	
207	Bùi Văn Nam		Đại Nhân, Hải Hậu, Nam Hà			25/8/1970	1	4	B1	Bắc B1	
208	Bùi Văn Sỹ	1932	xã Ninh Giang, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình	Trung sỹ, chiến sỹ	D40-KN	03-03-1969	2	4	B1	Bắc B1	đã chuyển về quê
209	Nguyễn Văn Thuyết	1935	Kim Thành, Hải Dương	Chuẩn úy		15/5/1970	3	4	B1	Bắc B1	

210	Trần Văn Nghiên	1939	Văn Lâm, Hải Hưng	B Phó		10/5/1970	4	4	B1	Bắc B1	
211	Nguyễn Văn Vít	1948	Vĩnh Tượng, Vĩnh Phú	A Trưởng		12/9/1970	5	4	B1	Bắc B1	đã chuyển về quê
212	Lê Văn Anh		Lạc Thạch, Vĩnh Phú	C Phó		21/4/1970	6	4	B1	Bắc B1	
213	Trần Quốc Bảo	1942	Bàn Phi, Hà Nội	Chiến sỹ - A Trưởng		09/4/1970	7	4	B1	Bắc B1	
214	Trần Hiền Ngang	1951	Phường Thanh Bình	Chiến sỹ		23/3/1969	8	4	B1	Bắc B1	
215	Phạm Văn Côi	1950	Hải Hậu, Nam Hà	Chiến sỹ		21/9/1970	9	4	B1	Bắc B1	
216	Trịnh Văn Phần	1934	Gia Lương, Hà Bắc	B Phó		21/4/1970	10	4	B1	Bắc B1	
217	Ngô Văn Tới	1949	Chí Linh, Hải Hưng	A Trưởng		10/5/1970	1	5	B1	Bắc B1	
218	Trần Văn Thành	1952	Kim Môn, Hải Hưng	Chiến sỹ		21/4/1970	2	5	B1	Bắc B1	
219	Nguyễn Trung Đông	1938	Kiên Thụy, Hải Phòng	Chiến sỹ		23/3/1969	3	5	B1	Bắc B1	
220	Nguyễn Văn Tiệp	1940	Thanh Hà, Hải Hưng	Chiến sỹ		23/3/1969	4	5	B1	Bắc B1	
221	Nguyễn Văn Tinh	1940	Thạch Thất, Hà Tây	Chiến sỹ		15/5/1974	5	5	B1	Bắc B1	
222	Đoàn Văn Nhuận	1951	Tam Đa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Chiến sỹ		23/3/1969	6	5	B1	Bắc B1	đã chuyển về quê
223	Lương Tất Tiệm	1938	Gia Vinh, Ninh Bình, Hải Phòng	C Trưởng		16/1/1969	7	5	B1	Bắc B1	
224	Nguyễn Minh Tý	1948	Hoàng Hóa, Thanh Hóa	Hạ sỹ - A Phó		01/9/1970	9	5	B1	Bắc B1	
225	Trần Văn Giáp	1942	Quỳnh Sỹ, Quỳnh Khôi, Thái Bình	Hạ sỹ - A Phó		25/5/1969	10	5	B1	Bắc B1	
226	Dương Đình Thuận	1947	Thuận Thanh, Hà Bắc	Hạ sỹ - A Phó			1	6	B1	Bắc B1	
227	Trịnh Viết Hùng	1951	Thường Tín, Hà Tây			06/9/1974	2	6	B1	Bắc B1	
228	Chưa xác định						8	5	B1	Bắc B1	
229	Chưa xác định						3	6	B1	Bắc B1	
230	Chưa xác định						4	6	B1	Bắc B1	
231	Chưa xác định						5	6	B1	Bắc B1	
232	Chưa xác định						6	6	B1	Bắc B1	

233	Chưa xác định						7	6	B1	Bắc B1	
234	Chưa xác định						8	6	B1	Bắc B1	
235	Chưa xác định						9	6	B1	Bắc B1	
236	Chưa xác định						10	6	B1	Bắc B1	
237	Chưa xác định						1	1	B2	Bắc B2	
238	Chưa xác định						2	1	B2	Bắc B2	
239	Chưa xác định						3	1	B2	Bắc B2	
240	Chưa xác định						4	1	B2	Bắc B2	
241	Chưa xác định						5	1	B2	Bắc B2	
242	Chưa xác định						6	1	B2	Bắc B2	
243	Chưa xác định						7	1	B2	Bắc B2	
244	Chưa xác định						8	1	B2	Bắc B2	
245	Chưa xác định						9	1	B2	Bắc B2	
246	Chưa xác định						10	1	B2	Bắc B2	
247	Chưa xác định						1	2	B2	Bắc B2	
248	Chưa xác định						2	2	B2	Bắc B2	
249	Chưa xác định						3	2	B2	Bắc B2	
250	Chưa xác định						4	2	B2	Bắc B2	
251	Chưa xác định						5	2	B2	Bắc B2	
252	Chưa xác định						6	2	B2	Bắc B2	
253	Chưa xác định						7	2	B2	Bắc B2	
254	Chưa xác định						8	2	B2	Bắc B2	
255	Chưa xác định						9	2	B2	Bắc B2	
256	Chưa xác định						10	2	B2	Bắc B2	
257	Chưa xác định						1	3	B2	Bắc B2	

258	Nguyễn Đình Tất	1956	Phượng Mao, Quê Võ, Hà Bắc	Hạ sỹ - Chiến sỹ	C1-D10-Lữ 52 QK5	02/01/1975	2	3	B2	Bắc B2	
259	Chưa xác định						3	3	B2	Bắc B2	
260	Chưa xác định						4	3	B2	Bắc B2	
261	Chưa xác định						5	3	B2	Bắc B2	
262	Chưa xác định						6	3	B2	Bắc B2	
263	Chưa xác định						7	3	B2	Bắc B2	
264	Chưa xác định						8	3	B2	Bắc B2	
265	Chưa xác định						9	3	B2	Bắc B2	
266	Chưa xác định						10	3	B2	Bắc B2	
267	Chưa xác định						1	4	B2	Bắc B2	
268	Đoàn Sinh	1947	Đề An, Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	Huyện đội Nghĩa Hành	14-05-1966	2	4	B2	Bắc B2	
269	Chưa xác định						3	4	B2	Bắc B2	
270	Chưa xác định						4	4	B2	Bắc B2	
271	Chưa xác định						5	4	B2	Bắc B2	
272	Chưa xác định						6	4	B2	Bắc B2	
273	Chưa xác định						7	4	B2	Bắc B2	
274	Chưa xác định						8	4	B2	Bắc B2	
275	Võ Hữu Ích (Út)	1948	Lộ Bàn, Phổ Ninh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Chính trị viên ĐĐ	83	30/10/1968	9	4	B2	Bắc B2	
276	Chưa xác định						10	4	B2	Bắc B2	
277	Chưa xác định						1	5	B2	Bắc B2	
278	Chưa xác định						2	5	B2	Bắc B2	
279	Chưa xác định						3	5	B2	Bắc B2	
280	Chưa xác định						4	5	B2	Bắc B2	
281	Chưa xác định						5	5	B2	Bắc B2	

282	Chưa xác định						6	5	B2	Bắc B2	
283	Chưa xác định						7	5	B2	Bắc B2	
284	Chưa xác định						8	5	B2	Bắc B2	
285	Chưa xác định						9	5	B2	Bắc B2	
286	Chưa xác định						10	5	B2	Bắc B2	
287	Chưa xác định						1	6	B2	Bắc B2	
288	Chưa xác định						2	6	B2	Bắc B2	
289	Chưa xác định						3	6	B2	Bắc B2	
290	Chưa xác định						4	6	B2	Bắc B2	
291	Chưa xác định						5	6	B2	Bắc B2	
292	Chưa xác định						6	6	B2	Bắc B2	
293	Chưa xác định						7	6	B2	Bắc B2	
294	Chưa xác định						8	6	B2	Bắc B2	
295	Chưa xác định						9	6	B2	Bắc B2	
296	Chưa xác định						10	6	B2	Bắc B2	
297	Chưa xác định						1	1	B3	Bắc B3	
298	Chưa xác định						2	1	B3	Bắc B3	
299	Chưa xác định						3	1	B3	Bắc B3	
300	Tô Đình(Trạm)	1936	An Thồ, Phồ An, Đức Phồ, Quảng Ngãi	Trung đội Phó	Đặc công	01/4/1967	4	1	B3	Bắc B3	
301	Chưa xác định						5	1	B3	Bắc B3	
302	Chưa xác định						6	1	B3	Bắc B3	
303	Chưa xác định						7	1	B3	Bắc B3	
304	Chưa xác định						8	1	B3	Bắc B3	
305	Chưa xác định						9	1	B3	Bắc B3	
306	Chưa xác định						10	1	B3	Bắc B3	

307	Chưa xác định						11	1	B3	Bắc B3	
308	Chưa xác định						12	1	B3	Bắc B3	
309	Chưa xác định						13	1	B3	Bắc B3	
310	Chưa xác định						14	1	B3	Bắc B3	
311	Chưa xác định						1	2	B3	Bắc B3	
312	Chưa xác định						2	2	B3	Bắc B3	
313	Chưa xác định						3	2	B3	Bắc B3	
314	Chưa xác định						4	2	B3	Bắc B3	
315	Chưa xác định						5	2	B3	Bắc B3	
316	Chưa xác định						6	2	B3	Bắc B3	
317	Chưa xác định						7	2	B3	Bắc B3	
318	Chưa xác định						8	2	B3	Bắc B3	
319	Chưa xác định						9	2	B3	Bắc B3	
320	Chưa xác định						10	2	B3	Bắc B3	
321	Chưa xác định						11	2	B3	Bắc B3	
322	Chưa xác định						12	2	B3	Bắc B3	
323	Chưa xác định						13	2	B3	Bắc B3	
324	Chưa xác định						14	2	B3	Bắc B3	
325	Chưa xác định						1	3	B3	Bắc B3	
326	Chưa xác định						2	3	B3	Bắc B3	
327	Chưa xác định						3	3	B3	Bắc B3	
328	Chưa xác định						4	3	B3	Bắc B3	
329	Chưa xác định						5	3	B3	Bắc B3	
330	Chưa xác định						6	3	B3	Bắc B3	
331	Chưa xác định						7	3	B3	Bắc B3	
332	Chưa xác định						8	3	B3	Bắc B3	

333	Chưa xác định						9	3	B3	Bắc B3	
334	Chưa xác định						10	3	B3	Bắc B3	
335	Chưa xác định						11	3	B3	Bắc B3	
336	Chưa xác định						12	3	B3	Bắc B3	
337	Chưa xác định						13	3	B3	Bắc B3	
338	Chưa xác định						14	3	B3	Bắc B3	
339	Chưa xác định						1	4	B3	Bắc B3	
340	Chưa xác định						2	4	B3	Bắc B3	
341	Chưa xác định						3	4	B3	Bắc B3	
342	Chưa xác định						4	4	B3	Bắc B3	
343	Chưa xác định						5	4	B3	Bắc B3	
344	Chưa xác định						6	4	B3	Bắc B3	
345	Chưa xác định						7	4	B3	Bắc B3	
346	Chưa xác định						8	4	B3	Bắc B3	
347	Chưa xác định						9	4	B3	Bắc B3	
348	Chưa xác định						10	4	B3	Bắc B3	
349	Chưa xác định						11	4	B3	Bắc B3	
350	Chưa xác định						12	4	B3	Bắc B3	
351	VÕ QUANG VĂN	2/3/195	Kim Thành,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	D15-F309- Bình nhất		31/8/1980	13	4	B3	Bắc B3	Di chuyển vào Nghĩa trang từ nghĩa trang Bình Dương (cũ) vào tháng 7/2015
352	Nguyễn Dũng	0/02/196	An Sơn,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	E593-Bình nhất		30/8/1980	14	4	B3	Bắc B3	Di chuyển vào Nghĩa trang từ nghĩa trang Bình Dương (cũ) vào tháng 7/2015
353	Nguyễn Mười	1938	An Phước, Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Bí thư xã kiêm Tiểu đội du kích xã	Chi bộ Hành Thuận	28-09-1972	11	5	B3	Bắc B3	Di chuyển vào Nghĩa trang từ nghĩa địa gia đình Gò Chùa - An Sơn (25/7/2024)

354	Chưa xác định						12	5	B3	Bắc B3	Di chuyển vào Nghĩa trang (tìm kiếm qui tập) năm 2019
355	Nguyễn Đình Long	1957	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	Sư đoàn 2 - Tiểu đoàn 38	19/12/1979	13	5	B3	Bắc B3	Di chuyển vào Nghĩa trang từ nghĩa trang huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước (cũ) tháng 7/2016
356	Trần Cung	0/11/195	An Hòa,Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	D8-E301- Bình nhất		08/10/1979	14	5	B3	Bắc B3	Di chuyển vào Nghĩa trang từ nghĩa trang Bình Dương(cũ) vào tháng 7/2015
357	Lâm Hợi	1923	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	đội viên		28/4/1965	5	1	A		
358	Võ Hồng Thê	1954	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Phó phòng		1971	32	3	B		
359	Trần Thị Chưa	1945	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Y tá	Đội công tác xã	1964	34	3	B		
360	Lê Tấn Quý	1942	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	BTCB	Đội công tác xã	5/1970	38	4	B		
361	Nguyễn Ba	1949	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		QĐNDVN	12/1971	6	2	A		
362	Trần Nam	1935	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Bí thư chi bộ xã	Đội công tác xã	31-01-1972	19	4	A		
363	Trần Thị Tới	1943	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trợ lý Quân báo huyện đội	QĐNDVN	01-04-1972	15	3	A		
364	Nguyễn Văn Thiên	1942	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	B. trưởng	QĐNDVN	12/1967	25	1	B		
365	Nguyễn Trung Thịnh	1948	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	T. đội trưởng	QĐNDVN	2/1970	35	4	B		
366	Nguyễn Văn Cách	1944	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		QĐNDVN	18-05-1965	27	2	B		
367	Nguyễn Văn Luận	1961	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trung úy	QĐNDVN	4/1987	36	4	B		

368	Nguyễn Thị Xuân Chín	1956	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		QĐNDVN	5/1977	13	3	A		
369	Nguyễn Hữu Thanh	1940	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		QĐNDVN	3/1964	14	3	A		
370	Nguyễn Tấn Sửu	1960	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ	QĐNDVN	22-01-1980	31	3	B		
371	Phạm Minh	1943	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		QĐNDVN	18-05-1965	21	1	B		
372	Vũ Ngọc Bảo	1947	Hồng Lạc, Sơn Dương, Tuyên Quang	Tiểu đội trưởng		04-09-1967	7	2	A		
373	Lê Thị Nhiên	1943	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đội trưởng		14-07-1966	11	3	A		
374	Lê Thị Tuyết	1946	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Y tá		17-07-1969	12	3	A		
375	Nguyễn Tấn Đường	1926	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	T. đội trưởng		19-09-1964	16	4	A		
376	Nguyễn Tấn Tịnh (Lợi)	1923	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Cán bộ	QĐNDVN	29-11-1969	17	4	A		
377	Trịnh Vệnh	1970	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Cán bộ quản lý xã Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đội công tác xã	1970	18	4	A		
378	Nguyễn Trung Tượng	1940	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ	QĐNDVN	1963	28	2	B		
379	Lưu Quang Tâm	1962	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ	QĐNDVN	25-01-1984	30	3	B		
380	Nguyễn Thị Lan (Túc Em)	1922	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	đội viên	Đội công tác xã	9/1974	22	1	B		
381	Nguyễn An	1960	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Binh nhất	e250, f309, QK7	9/1978	10	2	A		Di chuyển vào Nghĩa trang từ nghĩa trang Bình Dương(cũ) tháng 7/2016

382	Ngô Quang Dung	1932	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	B. phó		04-07-1971	26	2	B		
383	Nguyễn Trung Tâm	1923	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	trợ lý HC	QĐNDVN	2/1973	29	2	B		
384	Ngô Xuân Đức	1958	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	E95, Sư đoàn 307	10/1978	20	4	A		
385	Ngô Sanh	1926	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đội viên	Đội công tác xã	1965	37	4	B		
386	Phạm Kỳ Bửu	1940	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Y tá	QĐNDVN	15-02-1962	33	3	B		
387	Trịnh Ngọc Đức	1958	Hành Nhân, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi				9	2	A		
388	Phạm Kim		Điện Bàn - Quảng Nam	Đội viên			1	1	A		
389	Tương Long		Điện Bàn - Quảng Nam				23	4	B		
390	Phan Đức Xương		Điện Bàn - Quảng Nam				24	1	B		
391	Chưa xác định						2	1	A		
392	Chưa xác định						3	1	A		
393	Chưa xác định						4	1	A		
394	Chưa xác định						8	2	A		
395	Lê Đức Tính	1948	Hành Minh - Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Hạ sĩ Chiến sĩ	Tiểu đoàn 15 Gia Lai	01-03-1966	12	2			
396	Lê Hồng Sinh	1935	Hành Minh - Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trung sĩ Tiểu đội Phó	Đại đội 195	24/02/1975	124	2			
397	Lê Thị Thái	1950	Hành Minh - Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Hạ sĩ	Huyện đội Nghĩa Hành	07-07-1971	125	2			
398	Đặng Ký	1950	Hành Minh - Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Hạ sĩ Chiến sĩ	C1D7	03-08-1974	131	2			

399	Ngô Thị Khái	1950	Hành Minh - Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Thượng sĩ Tiểu đội trưởng	Đại đội 75	25/08/1973	136	3			
400	Nguyễn Văn Tụy	1954	Hành Phước - Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trung đội Trưởng	Nghĩa Hành	21/04/1974 Chiến đấu	58	7			
401	Trần Thế Phong	1948	Tiên Dũng Hưng Hà Thái Bình	Thượng Sỹ b Phó	/5/21/3/5	24/2/1971 Phục Kích	28	4			
402	Phạm Trâm	1924	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Thượng sĩ Tiểu đội trưởng	Tinh đội Quảng Ngãi	29/07/1947	228	13			
403	Nguyễn Hữu Việt	1944	Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phú	Thượng sỹ b phó	d5e21f2	24/2/1971 Chiến đấu	19	3			
404	Nguyễn Mạnh Toàn	1951	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	Binh nhất Chiến sỹ	d5e21f3	24/2/1971 Chiến đấu	30	4			
405	Nguyễn Văn Sinh	1948	Khu nhà Bè, Lê Chân, Hải Phòng	Binh nhất Chiến sỹ	db07e21f2	06/3/1971 Chiến đấu	32	4			
406	Phạm Quang Liêm	1947	Bộ Lao Động Hà Nội	Trung Sỹ a Trưởng		24/2/1971 Chiến Đấu	36	4			
407	Giang Biên Thuý	1948	Đại Hợp, Kiến Thụy, Hải Phòng	Binh nhất Chiến sỹ	d5e21f2	24/02/1971 Chiến đấu	38	5			
408	Nguyễn Văn Nghị	1949	Đông Phương , An Thụy, Hải Phòng	Binh nhất Chiến sỹ	d5e21f2	24/02/1971 Chiến đấu	43	5			
409	Tạ Khắc Thắng	1950	Số 2, Hoàng Diệu, Hồng Bàng , Hải Phòng	Binh nhất Chiến sỹ	e21f2	14/3/1971 Chiến đấu	31	4			Chuyển Không có hài cốt
410	Trần Văn Thành	1950	Sô 1, ngõ 32, Tiểu Khu 6, Hồng Bàng, Hải Phòng	Binh nhất Chiến sỹ	c14e31f2	03/3/1971 Chiến đấu	13	2			NTLS xã Thượng Lý, Hồng Bàn, Hải Phòng; Trần Văn Vinh (chuyển 29/12/2009) Không có hài cốt
411	Đào Văn Sáng	1950	Hoa Động , Thủy Nguyên, Hải Phòng	Chiến sỹ	d5e21f2	24/02/1971 Chiến đấu	16	2			Chuyển 11/5/2008 Không có hài cốt

412	Nguyễn Văn Lã	1950	Đại Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Trung sĩ a trưởng	d5e21f2	24/02/1971 Chiến đấu	21	3			Chuyển Không có hài cốt
413	Phạm Văn Tien	1950	Hải Phong , Hải Hậu, Nam Hà	Trung sĩ A trưởng	db0d5e21f2	24/02/1971 Chiến đấu	23	3			NTLS xã Hải Phong, Hải Hậu, Nam Định; Phạm Văn Thiện (chuyển 25/10/2019) Không có hài cốt
414	Vũ Văn Nhung	1950	Tiên Minh , Tiên Lãng, Hải Phòng	Binh nhất Chiến sĩ	d5e21f2	24/2/1971 Chiến đấu	34	4			NTLS Ngô Quyền, TP. Hải Phòng ; Vũ Văn Phụ (chuyển 16/10/2018) Không có hài cốt
415	Lê Văn Đồi	1941	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ	Hành Minh	01-06-1974	2	1			
416	Nguyễn Hồng Mai	1926	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Phó Công an	Công an Nghĩa Hành	12-04-1968	4	1			
417	Nguyễn Thanh (Đánh)	1916	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Cán bộ lương thực	Tỉnh Quảng Ngãi	09-10-1968	5	1			
418	Phan Thanh Chữ	1939	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến sĩ	d20	1971	49	6			
419	Trần Thị Xuân Phương	1956	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Nhân viên	Trạm xá c18	10-06-1973	94	11			
420	Lê Văn Một	1963	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Thượng Sĩ	e95f307QK5	03-06-1968	110	13			
421	Nguyễn Tấn Văn	1942	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đội viên	Đội công tác Hành Minh	02-08-1969	120	1			
422	Nguyễn Phước	1948	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Đội công tác Hành Minh	12-06-1968	121	1			
423	Nguyễn Tấn Vận	1948	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Xã đội trưởng	Xã đội Hành Minh	12-06-1969	122	1			
424	Ngô Thi Lê	1949	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Xã đội trưởng	Xã đội Hành Minh	29/03/1969	123	2			

425	Nguyễn Thượng Anh	1950	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	Xã đội Hành Minh	22/03/1968	126	2			
426	Nguyễn Tấn Huân	1952	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	29/01/1970	127	2			
427	Nguyễn Vang	1950	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	14/08/1969	128	2			
428	Nguyễn Chính	1954	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	24/05/1971	130	2			
429	Trương Thị Nga	1948	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	26/02/1974	133	3			
430	Trương Đệ	1954	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	02-08-1972	134	3			
431	Võ Tấn Bảy	1959	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	00/06/1977	135	3			
432	Nguyễn Thịnh	1951	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	Quân đội ND Việt Nam	1969	140	3			
433	Huỳnh Vàng	1949	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích	00/04/1968	142	4			
434	Nguyễn Thị Trọng	1939	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Cơ sở mật	Huyện đội Nghĩa Hành	00/08/1965	217	12			
435	Trần Văn Lý	1958	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	c14-ex50-f309-Quân khu 7	1979	229	13			
436	Bùi Đình Lộc	1924	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Du Kích		12-01-1952	52	6			
437	Tạ Thanh Tân	1956	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	c2d14e368f2		95	11			
438	Lê Thanh Tuấn	1959	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		c3d14f315	1979	96	11			
439	Nguyễn Tấn Sửu	1937	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Bí thư	Chi bộ Hành Minh	1968	6	1			
440	Tiêu Văn Hạnh	1926	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Huyện đội trưởng	Huyện Hòa Ân	11-05-1966	3	1			

441	Vũ Nhất Khôi	1949	Đại thắng, Vụ Bản, Nam Định	Đại đội phó	c15, f2	21/04/1974	50	6			
442	Tô Lan	1932	Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Bí Thư huyện	huyện ủy Nghĩa Hành	28/11/1968	114	1			
443	Lữ Vy	1924	Hành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tỉnh ủy viên	huyện ủy Nghĩa Hành	1968	115	1			
444	Nguyễn Chính	1943	Hành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trung đội phó	Đại đội 95 Nghĩa Hành	00/06/1968	62	7			
445	Nguyễn Noa	1947	Hành Tín, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Tiểu đội trưởng	TĐC95	15/02/1967	129	2			
446	Nguyễn Toa	1951	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Du kích xã	1969	137	3			
447	Tiêu Phước	1947	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Đội viên du kích	00/02/1968	141	4			
448	Huỳnh Ngọc Nguyên	1957	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trung đội Trưởng	c7, d2, e143, f315	11-11-1981	230	13			đưa vào 17/10/2017
449	Võ Trịnh Biên	1960	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trung Sĩ	T Đ 9-TK-Đ192	00/04/1984	108	12			
450	Lê Thị Bằng	1919	Phổ Minh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ	Cơ sở cách mạng	00/10/1973	227	13			Chuyển 26/7/2009 Không có hài cốt
451	Trịnh Văn Thắm		Kim Sơn, Bình Định	Chuẩn úy		26/02/1969	8	1			
452	Vũ Văn Vạn		Tỉnh Trà Vinh	Chuẩn úy		24/02/1971	11	2			
453	Vũ Văn Lai		Huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Chiến Sĩ		24/02/1971	14	2			
454	Nguyễn Tân Bình		Miền Bắc	Trung Sĩ		00/03/1970	17	2			

455	Đỗ Thái Sơn		Yên Bình	A Trường		15/05/1970	18	2			
456	Võ Văn Lại		Kinh Nông Dương	Trung Sĩ		14/03/1971	29	4			
457	Nguyễn Nam	1956	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Chiến Sĩ		1977	64	8			
458	Nguyễn Văn Diệp		Tân Trào	Thượng Sĩ		13/05/1970	48	6			
459	Nguyễn Văn Kiên		An Lập, An Đông	Thượng Sĩ		14/03/1971	47	6			
460	Phạm Văn Quý		Gia Vinh, Gia Vĩnh	Thượng Sĩ		24/02/1968	45	5			
461	Nguyễn Bá Vinh		Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Thượng Sĩ		14/03/1971	22	3			
462	Đỗ Quốc Đăng		Tỉnh Hà Nam	Chuẩn úy		25999	9	1			NTLS xã Liêm Hải, Trục Ninh, Nam Định; Đỗ Văn Thành (05/11/2019); Chuyển về Tỉnh Nam Định (6/9/2019) Không có hài cốt
463	Vũ Đình Tuất		Ý Yên, Nam Hà	Chiến Sĩ		24535	10	2			Chuyển 14/3/2009 Không có hài cốt
464	Phạm Văn Tía		Tỉnh Vĩnh Phú	Chiến Sĩ		09-03-1971	15	2			Chuyển 18/5/2020 Không có hài cốt

465	Hoàng Hữu Tráng		Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương	Hạ sĩ, chiến sĩ		14-03-1971	20	3			NTLS xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương; Hoàng Hữu Nhận (chuyển 23/12/2009) Không có hài cốt
466	Vũ Văn Bộ		Nhon Khánh, Gia Khánh (thôn Khả Lương, xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình)	Trung Sĩ		24/03/1971	33	4			Chuyển 17/5/2022 Không có hài cốt
467	Nguyễn Xuân Vững		Hành Thiện, Nghĩa Hành Quảng Ngãi	Trung đội trưởng		15/07/1967	59	7			Chuyển 2005 Không có hài cốt
468	Đỗ Viết Thép		Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại đội trưởng		1974	116	1			Chuyển Không có hài cốt
469	Hoàng Văn Sáng		Tam Điệp, Yên Thế	Thượng Sĩ		14/03/1971	53	6			Chuyển Không có hài cốt
470	Phạm Văn Phòng	1949	An Thái, An Lão, Hải Phòng	Hạ Sĩ		01-04-1970	46	6			NTLS xã An Thái, An Lão, Hải Phòng; Phạm Hồng Phong (chuyển 17/12/2015) Không có hài cốt
471	Trần Văn Thiện		Huyện Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Lộc	Trung Sĩ		15/03/1970	24	3			Chuyển 06/1/2023 Không có hài cốt
472	Mai Hồng Quảng		Huyện Quảng Phong, tỉnh Quảng Điền	Trung Sĩ		24/03/1969	25	3			Chuyển Không có hài cốt
473	Ngô Thận	1926	Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi		Thường vụ tỉnh ủy	24/04/1970	1	1			Chuyển về quê; Không có hài cốt
474	Dương Quang Năm	1947	Phổ Cường, Đức Phổ, Quảng Ngãi		Ban an ninh tỉnh Quảng Ngãi	25/09/1971	194	9			

475	Phạm Quang Tuyên				Bộ lao động	24/02/1971	40	5			
476	Trần Văn Hữu		Bạch Đằng, K Môn		Bộ lao động	14/03/1971	41	5			
477	Lê Mừng		Hành Thiện, Nghĩa Hành Quảng Ngãi			29/03/1970	39	5			
478	Nguyễn Xuân		Hành Thiện, Nghĩa Hành Quảng Ngãi			1967	37	5			
479	Phạm Minh Thu		Tĩnh Thái Bình			28/08/1974	7	1			
480	Lê Duy Thủy		31 Hồng Phong, Hải Dương			14/03/1971	26	3			
481	Quách Ngọc Chắc		Yên Giang, Như Quang			24/02/1971	44	5			
482	Vũ Văn Lực		Lại Cách, Cẩm Giang			24/02/1969	51	6			
483	Phạm Xuân Quang		Vũ Tuyền, Thái Bình			24/04/1971	57	7			
484	Bùi Xúp		Miền Bắc			06-06-1968	63	7			
485	Hoàng Anh Tiến	1950	Hành Thiện, Nghĩa Hành Quảng Ngãi			13/03/1970	67	8			
486	Nguyễn My		Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi			08-05-1968	217	1			

487	Nguyễn Tháp		Miền Bắc			00/02/1968	119	1			
488	Nguyễn Phước Liên		Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi			1977	139	3			
489	Thới Vinh					1947	143	4			
490	Nguyễn Văn Cừ		xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ			03-04-1970	27	3			Chuyển Không có hài cốt
491	Trình Duy Toàn		131 Quang Trung, TP Hải Phòng			24/02/1971	42	5			Chuyển Không có hài cốt
492	Nguyễn Thiện Kim (Màn)		Miền Bắc			1974	60	7			Chuyển Không có hài cốt
493	Nguyễn Văn Bình		Vạn Phú, Hà Đông			02-09-1971	61	7			Chuyển Không có hài cốt
494	Nguyễn Lâm		Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi			1968	74	9			Chuyển 2005 Không có hài cốt
495	Nguyễn Ngọc Thơ	1947	Quảng Nam, Đà Nẵng			17/02/1966	86	10			Chuyển 2008 Không có hài cốt
496	Nguyễn Xuân Bàng		Công Điền, Vĩnh Hảo			25/08/1974	118	1			Chuyển Không có hài cốt
497	Trần Niên			Hạ Sĩ			35	4			
498	Nguyễn Văn Tấn						111	13			

499	Vũ Thị Thanh						225	13			
500	Võ Văn Ngoan						202	10			Chuyển 17/12/2009 Không có hải cốt
501	Chưa xác định tên						54	6			
502	Chưa xác định tên						55	7			
503	Chưa xác định tên						56	7			
504	Chưa xác định tên						65	8			
505	Chưa xác định tên						66	8			
506	Chưa xác định tên						68	8			
507	Chưa xác định tên						69	8			
508	Chưa xác định tên						70	8			
509	Chưa xác định tên						71	8			
510	Chưa xác định tên						72	8			

511	Chưa xác định tên						73	9			
512	Chưa xác định tên						75	9			
513	Chưa xác định tên						76	9			
514	Chưa xác định tên						77	9			
515	Chưa xác định tên						78	9			
516	Chưa xác định tên						79	9			
517	Chưa xác định tên						80	9			
518	Chưa xác định tên						81	9			
519	Chưa xác định tên						82	10			
520	Chưa xác định tên						83	10			
521	Chưa xác định tên						84	10			
522	Chưa xác định tên						85	10			

523	Chưa xác định tên						87	10			
524	Chưa xác định tên						88	10			
525	Chưa xác định tên						89	10			
526	Chưa xác định tên						90	10			
527	Chưa xác định tên						91	11			
528	Chưa xác định tên						92	11			
529	Chưa xác định tên						93	11			
530	Chưa xác định tên						97	11			
531	Chưa xác định tên						98	11			
532	Chưa xác định tên						99	11			
533	Chưa xác định tên						100	12			
534	Chưa xác định tên						101	12			

535	Chưa xác định tên						102	12			
536	Chưa xác định tên						103	12			
537	Chưa xác định tên						104	12			
538	Chưa xác định tên						105	12			
539	Chưa xác định tên						106	12			
540	Chưa xác định tên						107	12			
541	Chưa xác định tên						109	13			
542	Chưa xác định tên						112	13			
543	Chưa xác định tên						113	13			
544	Chưa xác định tên		Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi				132	3			
545	Chưa xác định tên						138	3			
546	Chưa xác định tên						144	4			

547	Chưa xác định tên						145	4			
548	Chưa xác định tên						146	4			
549	Chưa xác định tên						147	4			
550	Chưa xác định tên						148	4			
551	Chưa xác định tên						149	4			
552	Chưa xác định tên						150	5			
553	Chưa xác định tên						151	5			
554	Chưa xác định tên						152	5			
555	Chưa xác định tên						153	5			
556	Chưa xác định tên						154	5			
557	Chưa xác định tên						155	5			
558	Chưa xác định tên						156	5			

559	Chưa xác định tên						157	5			
560	Chưa xác định tên						158	5			
561	Chưa xác định tên						159	6			
562	Chưa xác định tên						160	6			
563	Chưa xác định tên						161	6			
564	Chưa xác định tên						162	6			
565	Chưa xác định tên						163	6			
566	Chưa xác định tên						164	6			
567	Chưa xác định tên						165	6			
568	Chưa xác định tên						166	6			
569	Chưa xác định tên						167	6			
570	Chưa xác định tên						168	7			

571	Chưa xác định tên						169	7			
572	Chưa xác định tên						170	7			
573	Chưa xác định tên						171	7			
574	Chưa xác định tên						172	7			
575	Chưa xác định tên						173	7			
576	Chưa xác định tên						174	7			
577	Chưa xác định tên						175	7			
578	Chưa xác định tên						176	7			
579	Chưa xác định tên						177	8			
580	Chưa xác định tên						178	8			
581	Chưa xác định tên						179	8			
582	Chưa xác định tên						180	8			

583	Chưa xác định tên						181	8			
584	Chưa xác định tên						182	8			
585	Chưa xác định tên						183	8			
586	Chưa xác định tên						184	8			
587	Chưa xác định tên						185	8			
588	Chưa xác định tên						186	9			
589	Chưa xác định tên						187	9			
590	Chưa xác định tên						188	9			
591	Chưa xác định tên						189	9			
592	Chưa xác định tên						191	9			
593	Chưa xác định tên						191	9			
594	Chưa xác định tên						192	9			

595	Chưa xác định tên						193	9			
596	Chưa xác định tên						195	10			
597	Chưa xác định tên						196	10			
598	Chưa xác định tên						197	10			
599	Chưa xác định tên						198	10			
600	Chưa xác định tên						199	10			
601	Chưa xác định tên						200	10			
602	Chưa xác định tên						201	10			
603	Chưa xác định tên						203	10			
604	Chưa xác định tên						204	11			
605	Chưa xác định tên						205	11			
606	Chưa xác định tên						206	11			

607	Chưa xác định tên						207	11			
608	Chưa xác định tên						208	11			
609	Chưa xác định tên						209	11			
610	Chưa xác định tên						210	11			
611	Chưa xác định tên						211	11			
612	Chưa xác định tên						212	11			
613	Chưa xác định tên						213	12			
614	Chưa xác định tên						214	12			
615	Chưa xác định tên						215	12			
616	Chưa xác định tên						216	12			
617	Chưa xác định tên						218	12			
618	Chưa xác định tên						219	12			

619	Chưa xác định tên						220	12			
620	Chưa xác định tên						221	12			
621	Chưa xác định tên						222	13			
622	Chưa xác định tên						223	13			
623	Chưa xác định tên						22	13			
624	Chưa xác định tên						226	13			